



FROM



arkansas
health & wellness.

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN OR</i>	0	
<i>diflunisal TABS</i>	1B		METHADONE HCL SOLN IJ	0	
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 ea daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	<i>oxycodone w/acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)			
<i>acetaminophen w/codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily; 30 ea per 30 day(s) retail); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily; 30 ml per 30 day(s) retail); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics			<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
DULERA	2		Xanthines		
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners					
Coumarin Anticoagulants					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
			<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
			<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	2	
TEGRETOL TABS (carbamazepine)	2	
topiramate CPSP 25 MG	1B	QL(8 ea daily)
topiramate CPSP 15 MG	1B	QL(6 ea daily)
topiramate CS24	3	PA
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
topiramate TABS 50 MG	1B	QL(6 ea daily)
topiramate TABS 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
zonisamide CAPS	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
felbamate SUSP	1B	QL(30 ml daily)
felbamate TABS 400 MG	1B	QL(9 ea daily)
felbamate TABS 600 MG	1B	QL(6 ea daily)
GABA Modulators		
tiagabine hcl	1B	
vigabatrin PACK	4	QL(6 ea daily); SP; PA
vigabatrin TABS	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	2	
DILANTIN	2	
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	2	
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	2	
fosphenytoin sodium	1B	
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B	
phenytoin sodium SOLN	1B	
phenytoin CHEW	1B	
phenytoin SUSP	1B	
Succinimides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)
ethosuximide CAPS	1B	QL(6 ea daily)
ethosuximide SOLN	1B	QL(30 ml daily)
methsuximide	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
divalproex sodium TB24	1B	
divalproex sodium TBEC	1B	
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	1B	
valproic acid CAPS	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1B	QL(1 ea daily)
mirtazapine TABS 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TABS 15 MG	1B	QL(3 ea daily)
mirtazapine TBDP 30 MG	1B	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1B	QL(1 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1B	QL(3 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
bupropion hcl TABS	1B	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 100 MG	1B	QL(4 ea daily)
bupropion hcl TB12 200 MG	1B	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB12 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB24 150 MG	1B	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB24 300 MG	1B	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Tricyclic Agents			GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1B		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1B		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar					
Alpha-Glucosidase Inhibitors					
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)	Insulin		
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	APIDRA SOLN	3	PA
Biguanides			BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
Diabetic Other			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
<i>diazoxide</i>	3		INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>VECAMYL</i>	3	PA
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		Vasodilators		
			<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
			ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
			Anti-infective Agents - Misc.		
			<i>bacitracin</i>	3	
			<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>decitabine</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
Alkylating Agents			<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	TABLOID	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
LEUKERAN	4	SP; PA	INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>melphalan</i>	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
ZANOSAR	4	SP; PA			
Antimetabolites					
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA			
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA			
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA			
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ADCETRIS	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
RUXIENCE	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
TRUXIMA	4	PA	ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
KANJINTI	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	ORGOVYX	4	PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
COPIKTRA	4	PA
<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	PA	TABRECTA	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	PA
KYPROLIS	4	PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS	4	PA	TAZVERIK	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	TURALIO	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VERZENIO	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
QINLOCK	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
			ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolcapone</i>	1B		<i>lithium</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics			<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	EQUETRO	3	
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B		<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B		Benzisoxazoles		
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		FANAPT	2	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		FANAPT TITRATION PACK	2	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B		<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NEUPRO	2		<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B		RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B		<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST	<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Butyrophenones		
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B		<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B		<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
Antimanic Agents			<i>haloperidol TABS</i>	1B	
			Dibenzapines		
			<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	RUKOBIA	4	PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	CMV Agents		
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	Hepatitis Agents		
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)			
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1B	
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	Antifungals - Topical		
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)			
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>luliconazole</i>	1B	PA	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
			Antipruritics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
SULFAMYLLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
			<i>fluocinonide OINT</i>	1B	
			<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	
			<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
			<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
			<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(3.34 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	Eczema Agents		
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
HALOG OINT	3	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Emollients		
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		SANTYL OINT	3	PA
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>prednicarbate OINT</i>	1B		<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)	Local Anesthetics - Topical		
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B		<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
			<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
			<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure			Loop Diuretics		
Carbonic Anhydrase Inhibitors			<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>torseamide TABS</i>	1B	
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	Potassium Sparing Diuretics		
Diuretic Combinations			<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
			<i>spironolactone TABS</i>	1B	
			<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
			Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
			<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
			<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
			<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
			ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
			- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
			Bone Density Regulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)	GnRH/LHRH Antagonists		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)	ORLISSA	2	PA
FORTEO SOPN (<i>teriparatide</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	Growth Hormone Receptor Antagonists		
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)	EGRIFTA 2 MG	4	PA
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	EGRIFTA SV	4	PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA	Growth Hormones		
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA	GENOTROPIN CART SC	4	PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA	Hormone Receptor Modulators		
TYMLOS	4	PA	OSPHENA	3	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA	<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	INCRELEX	4	SP; PA
Corticotropin			LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
ACTHAR GEL	3	PA	FENSOLVI SC	4	SP; PA
Fertility Regulators			LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	QL(30 ea per 30 day(s) retail); PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
			SYNAREL	4	SP; PA
			Metabolic Modifiers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
			TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
Diabetic Supplies			SELECT LANCETS	1	6.66/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 day(s) retail); PA	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Parenteral Therapy Supplies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			
MINERALS & ELECTROLYTES					
Bicarbonates					
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B				
Calcium					
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
Electrolyte Mixtures					
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>ringer's</i>	1B	
<i>electrolyte-a</i>	1B		Fluoride		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		Magnesium		
ISOLYTE-S	1B		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B		Phosphate		
<i>lactated ringer's</i>	1B		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
NORMOSOL-M/D5W	1B		Potassium		
NORMOSOL-R	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS					
Anesthetics Topical Oral					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Anti-infectives - Throat			MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Antiseptics - Mouth/Throat			NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
DEBACTEROL	2		NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
Dental Products			ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC	ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
Steroids - Mouth/Throat/Dental			PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B		PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
Throat Products - Misc.			PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>cevimeline hcl</i>	1B		PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B		PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTIVITAMINS			PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
Ped MV w/ Fluoride			PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen</i> TABS	1B	
<i>carisoprodol</i> TABS	1B	
<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5 MG, 10 MG	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone</i> 800 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol</i> TABS 500 MG, 750 MG	1B	
<i>orphenadrine citrate</i> TB12	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl</i> CAPS	1B	
<i>tizanidine hcl</i> TABS	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium</i> CAPS	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.03 %	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.06 %	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i> 0.025 %	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal)</i> AERO	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetamide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acamprosate calcium</i>	1B		AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>disulfiram</i>	1B		AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA	AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA	AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
Antidementia Agents			INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Multiple Sclerosis Agents		
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)	AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>memantine hcl TABS</i>	1B		<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B		<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Combination Psychotherapeutics			<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B		<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
Fibromyalgia Agents			KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<i>flavoxate hcl</i>	1B		AREXVY	0	
VACCINES			COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
Bacterial Vaccines			COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
ACTHIB SOLR IM	0		COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
BEXSERO	0		COMIRNATY SUSP	0	
HIBERIX SOLR IJ	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENACTRA	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
MENQUADFI	0		FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
MENVEO SOLR	0		FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PEDVAX HIB SUSP	0		FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0		FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PNEUMOVAX 23 SOSY	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 13	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail			
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail			
Viral Vaccines					
ABRYSVO	0				
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	QL(0.5 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-5Y SUSP	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		RECOMBIVAX HB SUSP	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		ROTARIX SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	
			ROTATEQ SOLN	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	acyclovir CAPS	32	AKYNZEO	18
abacavir sulfate TABS	30	acyclovir SUSP	32	albendazole	7
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir TABS OR	32	albuterol sulfate AERS	10
ABELCET	18	acyclovir topical CREA	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical OINT	40	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	10
abiraterone acetate 500 MG	25	ADACEL SUSP	64	albuterol sulfate SYRP	10
ABRYSSVO	66	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate TABS	10
acamprosate calcium	62	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate CREA 40	
acarbose	15	adapalene CREA	37	alclometasone dipropionate OINT .40	
acebutolol hcl CAPS	32	adapalene GEL	37	ALDURAZYME	46
acetaminophen w/ codeine SOLN .. 6		adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	ALECENSA	26
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADCETRIS	25	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	45
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	32	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	45
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADEMPAS	34	alfuzosin hcl	48
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG 6		ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ... 64		ALINIA SUSR	22
acetazolamide CP12	44	ADVATE	48	aliskiren fumarate	21
acetazolamide sodium	44	ADYNOVATE	48	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acetazolamide TABS 125 MG	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP	66	almotriptan malate 12.5 MG	54
acetazolamide TABS 250 MG	44	AFLURIA 2024-2025 SUSY	66	almotriptan malate 6.25 MG	54
acetic acid (otic)	60	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	66	ALOCRIAL	60
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66	alogliptin benzoate	16
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	66	alogliptin-metformin hcl	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acitretin 25 MG	40	AFSTYLA	48	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	15
ACTHAR GEL	45	AIMOVIG	54	ALOMIDE	60
ACTHIB SOLR IM	66	AIMSCO LUBRICATED MISC	51	alose tron hcl	48
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28				

alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	34	MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20		
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	20		
ALPROLIX	49	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	59	amoxapine	15	amphotericin b IV	18
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61		amphotericin b liposome	18
ALTUVIIIIO	49	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	61
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61		ampicillin CAPS 500 MG	61
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61		ampicillin sodium IV 10 GM	61
ALVESCO	9	amoxicillin CAPS	61	anagrelide hcl	49
alvimopan	48	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 61		anastrozole	25
amantadine hcl CAPS	29	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 61		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	61	ANNOVERA	36
amantadine hcl TABS	29	amoxicillin TABS	61	ANORO ELLIPTA	10
ambrisentan	34	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	65	ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	APIDRA SOLN	16
amcinonide LOTN	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amcinonide OINT	40			apomorphine hydrochloride SOCT	29
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			apraclonidine hcl	59
amiloride & hydrochlorothiazide ..	44			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	18
amiloride hcl TABS	44			aprepitant CAPS 80 MG	18
aminocaproic acid TABS	50			aprepitant CAPS	18
aminophylline SOLN	10			aprepitant MISC	18
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8			APTIOM	12
amiodarone hcl TABS	8				
amitriptyline hcl TABS	15				
amlodipine besylate TABS	33				

APTIVUS CAPS	30	atenolol TABS	32	azithromycin PACK	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	49	ATGAM	56	azithromycin SOLR	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin SUSR	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin TABS 250 MG	51
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	19	azithromycin TABS 500 MG	51
AREXVY	66	atovaquone	22	azithromycin TABS 600 MG	51
arformoterol tartrate	10	atovaquone-proguanil hcl	23	aztreonam 1 GM	22
ARIKAYCE	2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	64	bacitracin (ophthalmic)	59
aripiprazole SOLN OR	30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	64	bacitracin	21
aripiprazole TABS	30	ATROVENT HFA	9	baclofen TABS	58
armodafinil	1	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK	62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	35
ARMOUR THYROID TABS	64	AUSTEDO TABS	62	balsalazide disodium CAPS	47
ARNUITY ELLIPTA	9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	62	BALVERSA	26
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AUSTEDO XR TB24	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
ARZERRA	25	avanafil	34	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
ascorbic acid SOLN IJ	70	AVONEX PEN AJKT	62	BARACLUDE SOLN	32
asenapine maleate 2.5 MG	30	AVONEX PSKT	62	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	29	AYVAKIT	26	BAXDELA SOLR	47
aspirin CHEW	5	azacitidine SUSR	24	BAXDELA TABS	47
aspirin TABS 325 MG	5	AZASITE	59	BELSOMRA	50
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE	56	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	21
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	56	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21
aspirin-dipyridamole	49	azelaic acid GEL	43	benazepril hcl	20
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azelastine hcl (ophth)	60	benazepril hcl	20
atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	30	azelastine hcl	58	bendamustine hcl SOLR	24
atenolol & chlorthalidone	20	AZELEX	37	BENEFIX KIT	49
				BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	

BENZEPRO FOAM 5.3 %	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN	59	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	59
benzonatate 100 MG	37	betaxolol hcl	32	brimonidine tartrate-timolol maleate	59
benzonatate 150 MG	37	bethanechol chloride 25 MG	65	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	12
benzonatate 200 MG	37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	66	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37	bexarotene (topical)	39	bromfenac sodium (ophth)	60
benzoyl peroxide GEL 10 %	37	bexarotene	28	bromocriptine mesylate CAPS	29
benzoyl peroxide GEL 5 %	38	BEXSERO	66	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	29
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	38	bicalutamide	25	BRUKINSA	26
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	37	BIKTARVY	30	budesonide (inhalation) SUSP	9
benztropine mesylate SOLN	28	bimatoprost SOLN	60	budesonide (intrarectal)	7
benztropine mesylate TABS	28	bisacodyl SUPP	51	budesonide (nasal)	58
bepotastine besilate	60	bisacodyl TBEC	51	budesonide CPEP	36
betaine	46	bisoprolol & hydrochlorothiazide	21	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate (topical) CREA	41	bisoprolol fumarate	32	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	44
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	41	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	bumetanide TABS	44
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	BOOSTRIX SUSP	64	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone dipropionate augmented CREA	41	BOOSTRIX SUSY	64	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	bortezomib SOLR IJ	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone dipropionate augmented OINT	41	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
betamethasone valerate CREA	41	bosentan TABS 125 MG	34	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betamethasone valerate FOAM	41	bosentan TABS 62.5 MG	34	buprenorphine PTWK	7
betamethasone valerate LOTN	41	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	63
betamethasone valerate OINT	41	BOSULIF TABS 400 MG	26	bupropion hcl TABS	13
BETASERON KIT	62	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl TB12 100 MG	13
		BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TB12 150 MG	13
		BREO ELLIPTA	10		
		BREZTRI AEROSPHERE	10		
		BRILINTA	49		
		brimonidine tartrate (topical)	43		

bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	41	carbidopa-levodopa TABS	29
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	41	carbidopa-levodopa TBCR	29
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcitonin (salmon) NA	45	carbidopa-levodopa TBDP	29
bupirone hcl 5 MG	8	calcitriol (topical)	40	carbidopa-levodopa-entacapone	29
bupirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol CAPS	46	carbinoxamine maleate SOLN	18
busulfan SOLN	24	calcitriol SOLN IV	46	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	48	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	24
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	48	carisoprodol TABS	58
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carmustine	24
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	51	carteolol hcl (ophth)	59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	26	carvedilol	32
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil	20	carvedilol phosphate	32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	21	caspofungin acetate	18
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	capecitabine	24	CAYA DPRH	51
butenafine hcl	38	CAPRELSA	26	CAYSTON	22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captopril 12.5 MG	20	cefaclor CAPS	35
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	20	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	35
cabergoline	46	carbamazepine CHEW 100 MG	12	cefadroxil CAPS	34
CABLIVI	49	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefadroxil SUSR	34
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefadroxil TABS	35
calcipotriene CREA	40	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	35
calcipotriene OINT	40	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefdinir CAPS	35
calcipotriene SOLN	40	carbamazepine SUSP	12	cefdinir SUSR	35
		carbamazepine TABS	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	35
		carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefixime CAPS	35
		carbamazepine TB12 200 MG	12	cefixime SUSR	35
		carbidopa	28	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	35
				cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	35

cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	35	MG	23	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefepodoxime proxetil SUSR	35	chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefepodoxime proxetil TABS	35	chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefprozil SUSR	35	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil TABS	35	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin-dexamethasone	60
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	35	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	60
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	35	CHOLBAM	47	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	24
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	35	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	69	citalopram hydrobromide SOLN ...	14
cefuroxime axetil TABS	35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	69	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG	35	cholestyramine light PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	14
celecoxib	4	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	14
CELONTIN (methsuximide)	13	cholestyramine PACK	19	clarithromycin SUSR	51
cephalexin CAPS	35	cholestyramine POWD	19	clarithromycin TABS	51
cephalexin SUSR	35	choline fenofibrate	19	clarithromycin TB24	51
CERDELGA	49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		CLASSIC PRENATAL TABS	57
CEREZYME 400 UNIT	49	ciclopirox GEL	38	clemastine fumarate SYRP	19
cetirizine hcl TABS	19	ciclopirox olamine CREA	38	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	19
cevimeline hcl	57	ciclopirox olamine SUSP	38	CLIMARA PRO	46
CHEMET	17	ciclopirox SHAM	38	clindamycin hcl	22
CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox SOLN	39	clindamycin palmitate hydrochloride .	22
chloramphenicol sodium succinate 22		cidofovir	31	clindamycin phosphate (topical) FOAM	38
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	49	clindamycin phosphate (topical) GEL	38
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	64	CIMDUO	30	clindamycin phosphate (topical) LOTN	38
chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cimetidine TABS	65		
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	57	cinacalcet hcl	46		
chloroquine phosphate TABS 250 MG	23	CIPRO SUSR	47		
chloroquine phosphate TABS 500		ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN ...	59		

clindamycin phosphate (topical) SOLN	38	clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
clindamycin phosphate (topical) SWAB	38	clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22	clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
clindamycin phosphate vaginal CREA	69	clonidine PTWK	20	COMIRNATY SUSP	66
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	38	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMPLERA	30
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	38	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	CONTRAVE	1
clindamycin phosphate-tretinoin ..	38	clorazepate dipotassium TABS	8	COPIKTRA	26
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 59		clotrimazole (topical) CREA	39	CORDRAN TAPE	41
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 59		clotrimazole (topical) SOLN	39	CORLANOR SOLN	34
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 59		clotrimazole	57	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 34	
clobazam SUSP	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	CORTISPORIN-TC	60
clobazam TABS	11	clotrimazole w/ betamethasone CREA	39	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	40
clobetasol propionate CREA 0.05 % . 41		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	39	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	40
clobetasol propionate emollient base 0.05 %	41	clozapine TABS	30	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	40
clobetasol propionate FOAM	41	clozapine TBDP 100 MG	30	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	40
clobetasol propionate GEL 0.05 % 41		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 30		CREON CPEP	44
clobetasol propionate OINT 0.05 % 41		clozapine TBDP 25 MG	30	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 41		COARTEM	23	cromolyn sodium (ophth)	60
clocortolone pivalate	41	codeine sulfate TABS 30 MG	5	cromolyn sodium NEBU	9
clofarabine	24	CODEINE SULFATE TABS	5	crotamiton LOTN	43
clomipramine hcl	15	colchicine TABS	48	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	57
		colchicine w/ probenecid	48	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49
		colesevelam hcl PACK	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	58
		colesevelam hcl TABS	19	cyclophosphamide CAPS	24
		colestipol hcl GRAN	19	cyclophosphamide SOLR IJ	24
		colestipol hcl PACK	19		
		colestipol hcl TABS	19		
		COMETRIQ KIT	26		

cycloserine	23	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15	desmopressin acetate SOLN IJ ...	46
cyclosporine (ophth) EMUL	59	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	46
cyclosporine CAPS	56	dapsone	22	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	56	DAPTACEL	64	desmopressin acetate spray refrigerated	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	56	daptomycin 500 MG	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG	46
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56	darifenacin hydrobromide	65	desmopressin acetate TABS 0.2 MG	46
CYLTEZO AJKT	3	darunavir TABS 600 MG	30	desogestrel & ethinyl estradiol	35
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	darunavir TABS 800 MG	30	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	dasatinib	26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	DAURISMO	25	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	DEBACTEROL	57	desonide CREA	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	decitabine	24	desonide LOTN	41
cyproheptadine hcl SYRP	19	deferasirox PACK	17	desonide OINT	41
cyproheptadine hcl TABS	19	deferasirox TABS	17	desoximetasone CREA 0.25 % ...	41
CYSTAGON CAPS	48	deferasirox TBSO	17	desoximetasone GEL	41
CYSTARAN	60	deferiprone TABS 500 MG	17	desoximetasone OINT 0.25 %	41
cytarabine SOLN	24	deflazacort SUSP	36	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14
dabigatran etexilate mesylate CAPS .	11	deflazacort TABS	36	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
dacarbazine SOLR 200 MG	28	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	46	dexamethasone ELIX	36
dactinomycin	26	DELSTRIGO	30	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36
dalfampridine	62	demeclocycline hcl TABS	64	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	59
danazol CAPS	7	DEPO-ESTRADIOL	46	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36
dantrolene sodium CAPS	58	DEPO-MEDROL SUSP	36	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36
dapagliflozin propanediol	17	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36		
		desipramine hcl TABS	15		
		desloratadine TABS	19		
		desloratadine TBDP 2.5 MG	19		

dexamethasone SOLN	36	diclofenac sodium (ophth)	60	MG, 240 MG	33
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	36	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl CP12	33
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	36	diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl CP24	33
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18		diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads	33
dexlansoprazole	65	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33
dexmethylphenidate hcl CP24	2	dicloxacin sodium	61	DILTIAZEM HCL SOLR	33
dexmethylphenidate hcl TABS	2	dicyclomine hcl CAPS	64	diltiazem hcl TABS	33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	dicyclomine hcl SOLN OR	64	diltiazem hcl TB24	33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicyclomine hcl TABS	64	dimethyl fumarate CDPK	62
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1		DIFFERIN LOTN	38	dimethyl fumarate CPDR	62
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	DIFICID TABS	51	DIPENTUM	47
dextrose in lactated ringers	55	diflorasone diacetate CREA	41	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 19	
DIACOMIT CAPS	12	diflorasone diacetate OINT	41	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	19
DIACOMIT PACK 250 MG	12	diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	19
DIACOMIT PACK 500 MG	12	difluprednate	60	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...	33	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19
diazepam CONC	8	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	54	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17
diazepam TABS	8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	54	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	64
diazoxide	16	DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole	49
dichlorphenamide	44	DILANTIN	13	disopyramide phosphate CAPS	8
diclofenac epolamine PTCH EX ...	39	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram	62
diclofenac potassium TABS 50 MG .4		DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	divalproex sodium TB24	13
diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	33	divalproex sodium TBEC	13
		diltiazem hcl coated beads CP24 180		docetaxel CONC 20 MG/ML	28
				docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28
				docusate calcium	51

docusate sodium CAPS 100 MG .. 51	MG, 75 MG 64	efavirenz CAPS 200 MG 30
docusate sodium CAPS 250 MG .. 51	doxycycline hyclate CAPS 64	efavirenz CAPS 50 MG 30
dofetilide 9	doxycycline hyclate SOLR 64	efavirenz TABS 30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG 62	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG 64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG 62	doxylamine-pyridoxine TBEC 18	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate 30
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG 62	dronabinol CAPS 18	EGRIFTA 2 MG 45
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62	drosiprenone-ethinyl estradiol 35	EGRIFTA SV 45
DOPTELET 49	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium 35	ELAPRASE 46
dorzolamide hcl 60	DROXIA CAPS 49	electrolyte-148 55
dorzolamide hcl-timolol maleate .. 59	DUAVEE 46	electrolyte-a 55
DOVATO 30	DULERA 10	ELESTRIN GEL 46
doxazosin mesylate 20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG 14	eletriptan hydrobromide 54
doxepin hcl (antipruritic) 40	duloxetine hcl CPEP 40 MG 14	ELIGARD KIT SC 7.5 MG 25
doxepin hcl (sleep) 50	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG 25
doxepin hcl CAPS 15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ... 42	ELIQUIS STARTER PACK TBPK . 11
doxepin hcl CONC 15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 42	ELIQUIS TABS 11
doxercalciferol CAPS 46	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42	ELLA 36
doxercalciferol SOLN 46	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ... 42	ELMIRON CAPS 48
doxorubicin hcl liposomal SUSP ... 26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI 51	ELOCTATE 49
doxorubicin hcl SOLN 26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC 51	EMCYT 25
doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG 26	DUREX TROPICAL MISC 51	EMFLAZA SUSP (deflazacort) 36
doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG 64	dutasteride 48	EMFLAZA TABS (deflazacort) 36
doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG 64	econazole nitrate CREA 39	EMGALITY SOAJ 54
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG 64	EDARBI 20	EMGALITY SOSY 100 MG/ML 54
doxycycline (monohydrate) TABS 50	EDURANT 30	EMGALITY SOSY 120 MG/ML 54
		EMSAM 13
		emtricitabine CAPS 31
		emtricitabine-tenofovir disoproxil

fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	31	EPIDIOLEX	12	erythromycin base CPEP	51
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	31	epinastine hcl (ophth)	60	erythromycin base TABS	51
EMTRIVA SOLN	31	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	erythromycin base TBEC	51
EMVERM CHEW	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin ethylsuccinate SUSR	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG	21	EPIVIR HBV SOLN	32	erythromycin ethylsuccinate TABS	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG	21	eplerenone	21	escitalopram oxalate SOLN	14
enalapril maleate TABS	20	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	escitalopram oxalate TABS 10 MG	14
ENBREL MINI SOCT	4	epoprostenol sodium	34	escitalopram oxalate TABS 20 MG	14
ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS	57	escitalopram oxalate TABS 5 MG	14
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQUETRO	29	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	65
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	65
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	ERBITUX	25	esomeprazole magnesium TBEC	65
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	66	ergocalciferol CAPS	69	ESPEROCT	49
ENGERIX-B SUSY	66	ergocalciferol SOLN OR	69	estazolam	50
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergoloid mesylates TABS	63	estradiol GEL 0.06 %	46
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ERGOMAR SUBL	54	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	54	estradiol PTTW	47
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	eribulin mesylate	28	estradiol PTWK	47
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERIVEDGE	25	estradiol TABS	47
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ERLEADA 240 MG	25	estradiol vaginal CREA	69
ENSPRYNG	56	ERLEADA 60 MG	25	estradiol vaginal TABS	69
entacapone	28	erlotinib hcl	25	estradiol valerate	46
entecavir TABS	32	ERTACZO	39	ESTROGEL GEL (estradiol)	47
		ertapenem sodium IJ	22	eszopiclone	50
		erythromycin (acne aid) PADS	38	ethacrynic acid	44
		erythromycin (acne aid) SOLN	38		
		erythromycin (ophth)	59		

ethambutol hcl TABS	23	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50
ethosuximide CAPS	13	FANAPT	29	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	50
ethosuximide SOLN	13	FANAPT TITRATION PACK	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
ethynodiol diacet & eth estrad	35	FANTASY LUBRICATED MISC	52	fesoterodine fumarate	65
etodolac CAPS	4	FANTASY		FETZIMA CP24	14
etodolac TABS	4	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	14
etonogestrel-ethinyl estradiol	36	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	17	finasteride	48
ETOPOPHOS	28	17	fingolimod hcl	62
etoposide CAPS	28	FARXIGA	17	FIRDAPSE	23
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FASENRA PEN SOAJ	9	FIRMAGON	25
MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	flavoxate hcl	66
etravirine 100 MG	31	FC2 FEMALE CONDOM	52	flecainide acetate	8
etravirine 200 MG	31	febuxostat	48	floxuridine	24
EUCRISA	43	felbamate SUSP	13	FLUAD 2024-2025	66
EVAMIST SOLN	47	felbamate TABS 400 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66
everolimus (immunosuppressant)		felbamate TABS 600 MG	13	66
0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felodipine	33	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66
everolimus (immunosuppressant) 1		FEMCAP DEVI	52	66
MG	56	FEMLYV TBDP	35	FLUARIX 2024-2025 SUSY	66
everolimus TABS	26	FEMRING	69	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-	
EVOTAZ	31	fenofibrate micronized 43 MG, 67		2023 SUSY	66
exemestane	25	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ..	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-	
ezetimibe	20	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145		2024 SUSY	66
ezetimibe-simvastatin	19	MG, 160 MG	19	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	67
famciclovir 125 MG, 250 MG	32	fenoprofen calcium TABS	4	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-	
famciclovir 500 MG	32	FENSOLVI SC	45	2023	67
famotidine in nacl SOLN	65	fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-	
famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25		2024	67
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200		MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,		FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	67
MG/20ML	65	100 MCG/HR	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	67
famotidine SUSR	65	ferrous fumarate-folic acid	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT	

2022-2023 SUSP	67	fluocinonide OINT	41	fluticasone propionate hfa	9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67	fluocinonide SOLN	41	fluticasone propionate LOTN	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67	fluorometholone (ophth) SUSP ...	60	fluticasone propionate OINT	42
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	39	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
fluconazole SUSR	18	fluorouracil (topical) SOLN	39	fluticasone-salmeterol AERO	10
fluconazole TABS	18	fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19
flucytosine	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19
fludarabine phosphate SOLN	24	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	
fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14
fludrocortisone acetate TABS	37	fluoxetine hcl CPDR	14	FLUZONE 2024-2025 SUSP	67
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	67	fluoxetine hcl SOLN	14	FLUZONE 2024-2025 SUSY	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14		FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	67
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	67
FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025	67	fluphenazine hcl CONC	30	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	67
FLUMIST QUADRIVALENT	67	fluphenazine hcl ELIX	30	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	67
flunisolide (nasal) 0.025 %	58	fluphenazine hcl SOLN	30	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	67
fluocinolone acetonide (otic)	60	fluphenazine hcl TABS	30	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	67
fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41		flurandrenolide CREA	41	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41	flurandrenolide LOTN	41	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	67
fluocinolone acetonide OIL	41	flurazepam hcl	50	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67
fluocinolone acetonide OINT	41	flurbiprofen sodium	60	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67
fluocinolone acetonide SOLN	41	flurbiprofen TABS	4	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	67
fluocinonide CREA	41	flutamide	25	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67
fluocinonide emulsified base	41	fluticasone furoate-vilanterol	10	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	67
fluocinonide GEL	41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	FML FORTE SUSP	60
		fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58		FML OINT	60
		fluticasone propionate CREA 0.05 % 41		folic acid TABS	49
				fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	

11	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	61
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML			GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	61
11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML			GAMUNEX-C	61
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML			ganciclovir sodium SOLR	31
11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	ganirelix acetate	45
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS		43	GARDASIL 9 SUSP	67
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT		43	GARDASIL 9 SUSY	68
formoterol fumarate NEBU		10	gatifloxacin (ophth)	59
FORTEO SOPN (teriparatide)		45	gefitinib	25
FOSAMAX PLUS D		45	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24
fosamprenavir calcium TABS		31	gemfibrozil TABS	19
fosfomycin tromethamine		22	GENOTROPIN CART SC	45
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide		21	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 45	
fosinopril sodium		20	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2
fosphenytoin sodium		13	gentamicin sulfate (ophth) OINT	59
FRAGMIN SOSY		11	gentamicin sulfate (ophth) SOLN	59
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM		53	gentamicin sulfate (topical) CREA	38
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM		53	gentamicin sulfate (topical) OINT	38
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM		53	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM		53	GENVOYA	31
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM		53	GILOTRIF	25
	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	62
	FREESTYLE LIBRE 3/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML	
	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53		
	FREESTYLE LIBRE 3/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53		
	frovatriptan succinate	54		
	fulvestrant SOSY	25		
	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44		
	furosemide TABS	44		
	FUZEON SOLR	31		
	FYCOMPA TABS 2 MG	11		
	FYCOMPA TABS 4 MG	11		
	FYCOMPA TABS 6 MG	11		
	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11		
	gabapentin CAPS	12		
	gabapentin SOLN	12		
	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12			
	GALAFOLD	46		
	galantamine hydrobromide CP24	62		
	galantamine hydrobromide SOLN	62		
	galantamine hydrobromide TABS	62		
	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	61		

62	griseofulvin microsize SUSP18	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .3
GLEOSTINE 10 MG 24	griseofulvin microsize TABS 18	HUMIRA PEN AJKT3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 24	griseofulvin ultramicrosize18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT3
glimepiride 1 MG, 2 MG17	guanfacine hcl (adhd)1	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT 3
glimepiride 4 MG17	guanfacine hcl20	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG 17	GYNAZOLE-169	HUMIRA PSKT3
glipizide TB24 17	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ3	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC16
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG15	HADLIMA SOSY 3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC16
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG 15	HAEGARDA SOLR SC 49	HYCANTIN CAPS 28
GLUCAGEN DIAGNOSTIC 43	HALAVEN (eribulin mesylate)28	hydrochlorothiazide CAPS44
glucagon (rdna)16	halcinonide CREA42	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 17	halobetasol propionate CREA42	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 44
glyburide TABS 17	halobetasol propionate OINT42	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	HALOG OINT 42	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG15	haloperidol decanoate29	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 6
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 48	haloperidol lactate CONC29	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG6
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML64	haloperidol lactate SOLN29	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG6
glycopyrrolate TABS 1 MG 65	haloperidol TABS29	
glycopyrrolate TABS 2 MG 65	HAVRIX68	
GLYXAMBI 15	HEMANGEOL SOLN OR33	
GNP PRENATAL TABS 57	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML11	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS43	HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HEPLISAV-B SOSY68	
granisetron hcl TABS 17	HIBERIX SOLR IJ66	
GRASTEK SUBL2	HUMATROPE CART IJ45	
	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML3	

hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23	IMBRUVICA SUSP 27
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG6	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	IMBRUVICA TABS 27
hydrocortisone (intrarectal)7	hydroxyurea28	imipenem-cilastatin IV 22
hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..8	imipramine hcl TABS15
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %42	hydroxyzine hcl SYRP8	imipramine pamoate15
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 42	hydroxyzine hcl TABS8	imiquimod 5 % 42
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %42	hydroxyzine pamoate CAPS8	IMPAVIDO21
hydrocortisone acetate (rectal)7	HYPERSAL NEBU37	INCRELEX 45
hydrocortisone butyrate CREA42	HYQVIA 61	INCRUSE ELLIPTA9
hydrocortisone butyrate OINT42	ibandronate sodium SOLN45	indapamide TABS 1.25 MG44
hydrocortisone butyrate SOLN42	ibandronate sodium TABS45	indapamide TABS 2.5 MG44
hydrocortisone sod succinate 100 MG36	IBRANCE CAPS27	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4
hydrocortisone TABS36	IBRANCE TABS27	indomethacin CPR 4
hydrocortisone vaginal69	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML4	INFANRIX64
hydrocortisone valerate CREA42	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	INFLECTRA SOLR47
hydrocortisone valerate OINT42	ibuprofen TABS 800 MG4	INGREZZA CAPS62
hydrocortisone w/acetic acid60	icatibant acetate SOLN49	INGREZZA CPPK62
hydromorphone hcl LIQD5	icatibant acetate SOSY49	INGREZZA CPSP62
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	ICLUSIG27	INLYTA24
hydromorphone hcl TABS5	icosapent ethyl 1 GM19	INREBIC27
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...5	idarubicin hcl 20 MG/20ML26	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 23	IDELVION49	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN16
	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML24	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP16
	ifosfamide SOLR24	INSULIN ASPART SOLN IJ 16
	imatinib mesylate27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH
	IMBRUVICA CAPS 140 MG27	
	IMBRUVICA CAPS 70 MG27	

SOPN	16	isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 % ..	39
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38	ketoconazole	18
INTELENCE 25 MG	31	isradipine CAPS	33	KETONE STRP	43
INTRAROSA	69	itraconazole CAPS	18	KETONE TEST STRIPS STRP ...	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...	55	itraconazole SOLN	18	ketoprofen CAPS 50 MG	4
IOPIDINE	59	ivabradine hcl TABS	34	ketorolac tromethamine (ophth) ...	60
IPOL INACTIVATED IPV	68	ivermectin (pediculicide)	43	ketorolac tromethamine TABS	4
ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 58		ivermectin	8	KETOSTIX STRP	43
ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 58		IXEMPRA KIT 15 MG	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 60	
ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	JAKAFI	27	KEVZARA SOAJ	3
ipratropium-albuterol SOLN	10	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	68	KEVZARA SOSY	4
irbesartan	20	JANUMET TABS	15	KIMONO COLORS DEVI	52
irbesartan-hydrochlorothiazide ...	21	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO LUBRICATED MISC	52
IRESSA (gefitinib)	25	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	52
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	28	JANUVIA	16	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52
irrigation solutions, physiological ..	56	JARDIANCE	17	52	
ISENTRESS CHEW	31	JEVTANA	28	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52
ISENTRESS HD TABS	31	JIVI	49	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52
ISENTRESS TABS	31	JULUCA	31	52	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	55	JYNARQUE TBPK	46	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	52
ISOLYTE-S	55	KALYDECO TABS	63	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52
isoniazid SOLN	23	KAMELEON LUBRICATED MISC .	52	52	
isoniazid SYRP	23	KANJINTI	25	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	52
isoniazid TABS	23	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	KEPIVANCE 6.25 MG	28	52	
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 34		KESIMPTA	62	KIMONO SPECIAL DEVI	52
isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole (topical) CREA	39		

KINRIX SUSY	64	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine)	12	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	25
KISQALI	27	lamivudine (hbv) TABS	32	letrozole	25
KISQALI FEMARA 200 DOSE	26	lamivudine SOLN	31	leucovorin calcium SOLR	28
KISQALI FEMARA 400 DOSE	26	lamivudine TABS 150 MG	31	leucovorin calcium TABS	28
KISQALI FEMARA 600 DOSE	26	lamivudine TABS 300 MG	31	LEUKERAN	24
KLARITY-A	59	lamivudine-zidovudine	31	LEUKINE SOLR IJ	49
KLOXXADO LIQD	17	lamotrigine CHEW 25 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25
KOGENATE FS KIT	49	lamotrigine CHEW 5 MG	12	levabuterol hcl	10
KOSELUGO	27	lamotrigine TABS	12	levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10
KOVALTRY	49	lamotrigine TBP	12	levabuterol tartrate	10
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16
KRINTAFEL	23	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	33	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	52	lansoprazole CPDR 15 MG	65	LEVEMIR SOLN	16
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	52	lansoprazole CPDR 30 MG	65	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	
KYPROLIS	27	lanthanum carbonate CHEW	48	levetiracetam TABS 1000 MG	12
labetalol hcl SOLN	32	lapatinib ditosylate	27	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32		LASTACAFT	60	levetiracetam TABS 500 MG	12
labetalol hcl TABS 300 MG	32	latanoprost SOLN	60	levetiracetam TB24	12
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12		leflunomide	4	levobunolol hcl 0.5 %	59
lacosamide TABS	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	56	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19	
lactated ringer's (irrigation)	56	lenalidomide 20 MG	56	levocetirizine dihydrochloride TABS 19	
lactated ringer's	55	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	59
lactic acid (ammonium lactate) CREA	42	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	24	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	47
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	42	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin SOLN OR	47
lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47	
lactulose SOLN	51	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	24		
		LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	24		
		LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24		

levofloxacin TABS 500 MG	47	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	loteprednol etabonate GEL	60
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35		lisinopril & hydrochlorothiazide	loteprednol etabonate SUSP	60
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	36	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	lithium	lovastatin TABS 40 MG	20
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lithium carbonate CAPS	loxapine succinate	30
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lithium carbonate TABS	lubiprostone	47
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35		lithium carbonate TBCR	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	62
levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	LO LOESTRIN FE TABS	luliconazole	39
levothyroxine sodium TABS	64	lofexidine hcl	LUMIZYME	46
LEXIVA SUSP	31	LOKELMA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51	loperamide hcl CAPS	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	57	lopinavir-ritonavir SOLN	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	57	lopinavir-ritonavir TABS	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	25
lidocaine hcl GEL 2 %	42	loratadine CAPS	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45	
lidocaine hcl PRSY	42	loratadine CHEW	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45
lidocaine hcl SOLN	42	loratadine SOLN	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
lidocaine PTCH 5 %	43	loratadine TABS	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
lidocaine-prilocaine CREA	43	loratadine TBDP	lurasidone hcl 80 MG	29
lincomycin hcl	22	lorazepam CONC	LYNPARZA TABS	27
linezolid SUSR	22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	LYSODREN	25
linezolid TABS	22	lorazepam TABS 1 MG	mafenide acetate PACK	40
LINZESS	48	LORBRENA	magnesium sulfate IJ 50 %	55
liothyronine sodium SOLN	64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	malathion	43
liothyronine sodium TABS	64	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21	maraviroc TABS 150 MG	31
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		losartan potassium	maraviroc TABS 300 MG	31
		LOTEMAX OINT	MARPLAN	14

MASONATAL TABS	57	MENQUADFI	66	methimazole TABS	64
MATULANE	28	MENVEO SOLR	66	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	58
MAXIDEX SUSP OP	60	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	METHOTREXATE	3
MAXX LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl TABS 50 MG	5	methotrexate sodium SOLR	24
meclizine hcl TABS 12.5 MG	18	meprobamate	8	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	
meclizine hcl TABS 25 MG	18	mercaptopurine TABS	24	methoxsalen rapid	40
meclofenamate sodium CAPS	4	meropenem	22	methscopolamine bromide	65
MEDROL TABS	36	mesalamine CP24	47	methsuximide	13
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	mesalamine CPDR	47	methyl dopa TABS	20
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine ENEM	47	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2	
medroxyprogesterone acetate 10 MG	61	mesalamine SUPP	47	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2	
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	61	mesalamine TBEC 1.2 GM	47	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2	
mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 800 MG	47	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG	2
mefloquine hcl	23	metaxalone 800 MG	58	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2
megestrol acetate (appetite)	61	metformin hcl TABS 1000 MG	16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	
megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 500 MG	16	methylphenidate hcl CP24	2
megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 850 MG	16	methylphenidate hcl CP24	2
MEKINIST TABS	27	metformin hcl TB24 500 MG	16	methylphenidate hcl CP24	2
MEKTOVI	27	metformin hcl TB24 750 MG	16	methylphenidate hcl CP24	2
meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl SOLN	2
melphalan	24	METHADONE HCL SOLN IJ	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2
melphalan hcl IV	24	methadone hcl SOLN OR	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	
memantine hcl TABS	62	methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	
MENACTRA	66	methadone hcl TABS 5 MG	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2
MENEST	47	methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2
MENOSTAR PTWK	47	methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2
		methazolamide TABS	44	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2
		methenamine hippurate	22		

methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	43 68	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	68
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole TABS	21	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	68
methylphenidate PTCH	2	metronidazole vaginal	69	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	68
methylprednisolone acetate SUSP	37	mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	68
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	37	micafungin sodium	18	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	68
methylprednisolone TABS	37	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	68
methylprednisolone TBPK	37	midodrine hcl	69	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	68
methyltestosterone TABS	7	miglitol	15	moexipril hcl	20
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	47	miglustat	49	mometasone furoate (nasal) SUSP	58
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	47	minocycline hcl CAPS	64	mometasone furoate CREA	42
metoclopramide hcl TABS	47	minocycline hcl TABS	64	mometasone furoate OINT	42
metolazone	44	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	mometasone furoate SOLN	42
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21	MIRCERA	50	montelukast sodium CHEW	9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	21	mirtazapine TABS 15 MG	13	montelukast sodium PACK	9
metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 30 MG	13	montelukast sodium TABS	9
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	mirtazapine TBDP 15 MG	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	33	mirtazapine TBDP 30 MG	13	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5
metronidazole (topical) CREA	43	mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate TABS	5
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 43		misoprostol	65	morphine sulfate TBCR	5
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	43	mitomycin SOLR IV 20 MG	26	MOTOFEN	17
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML	26	MOVANTIK	48
		M-M-R II SOLR	68	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	59
		M-NATAL PLUS TABS	57	moxifloxacin hcl in sodium chloride	
		modafinil 100 MG	2		
		modafinil 200 MG	2		
		MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	68		
		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .			

47	naratriptan hcl	54	NEVANAC	60	
moxifloxacin hcl TABS	47	NATACYN	59	nevirapine SUSP	31
MOZOBIL (plerixafor)	50	NATAZIA	35	nevirapine TABS	31
MULPLETA	50	nateglinide	17	nevirapine TB24 100 MG	31
MULTI PRENATAL TABS	57	NAYZILAM	11	nevirapine TB24 400 MG	31
mupirocin calcium (topical)	38	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 33		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	65
mupirocin OINT	38	nebivolol hcl 20 MG	33	NEXTSTELLIS	35
MVASI	25	NEBUSAL NEBU	37	niacin (antihyperlipidemic) TBCR	20
MYALEPT	46	nefazodone hcl	14	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	70
mycophenolate mofetil CAPS	56	nelarabine	24	niacin TABS	70
mycophenolate mofetil TABS	56	neomycin sulfate TABS	2	niacin TBCR	70
mycophenolate sodium	56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	59	NIACIN TR TBCR	70
MYLERAN TABS	24	neomycin-polymy-dexameth OINT	60	niacinamide TABS 100 MG	70
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	60	niacinamide TABS 500 MG	70
nadolol TABS 20 MG	33	neomycin-polymyxin-hc (ophth)	60	nicardipine hcl CAPS	33
nadolol TABS 40 MG	33	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	60	nicardipine hcl SOLN	33
nadolol TABS 80 MG	33	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	60	nicotine MISC XX	63
nafcillin sodium IV 10 GM	61	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	57	nicotine polacrilex GUM	63
naftifine hcl CREA 1 %	39	NEONATAL PLUS TABS	57	nicotine polacrilex LOZG	63
naftifine hcl CREA 2 %	39	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	57	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	63
NAGLAZYME	46	NEONATAL VITAMIN TABS	57	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	63
nalbuphine hcl	7	neostigmine methylsulfate SOSY	23	NICOTROL INHALER INHA	63
naloxone hcl LIQD	17	NEO-SYNALAR	38	NICOTROL NS SOLN	63
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17	NEUPRO	29	nifedipine CAPS 10 MG	33
naltrexone hcl	17			nifedipine CAPS 20 MG	33
naproxen sodium TABS 550 MG	4			nifedipine TB24 60 MG	33
naproxen SUSP	4			nifedipine TB24 90 MG	33
naproxen TABS	4			nifedipine TB24	33
naproxen TBEC 500 MG	4				

nilutamide	25	36	NOVOLIN 70/30 SUSP	16	
nimodipine CAPS	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
NINLARO	27	norethindrone acet & eth estra TABS	36	NOVOLIN N SUSP	17
NIPENT	28	norethindrone acetate TABS	61	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	17
nisoldipine	33	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLIN R SOLN IJ	17
nitazoxanide TABS	22	estradiol	46	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nitisinone CAPS	46	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 120 TABS	64
NITRO-BID OINT	8	estradiol-fe	36	NP THYROID 15 TABS	64
nitrofurantoin	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)		NP THYROID 30 TABS	64
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		36	NP THYROID 60 TABS	64
100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol		NP THYROID 90 TABS	64
nitrofurantoin monohyd macro	22	(triphasic)	36	NUCALA SOAJ	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestimate-ethinyl estradiol	36	NUCALA SOLR	9
nitroglycerin CPR	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30		NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitroglycerin PT24	8	MCG-0.3 MG	36	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORMOSOL-M/D5W	55	NUCYNTA ER TB12	5
nitroglycerin SUBL	8	NORMOSOL-R	55	NUCYNTA TABS	6
NIVA-PLUS TABS	57	nortriptyline hcl CAPS	15	NUEDEXTA	63
nizatidine CAPS	65	nortriptyline hcl SOLN	15	NULOJIX	56
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30		NORVIR CAPS	31	nystatin (mouth-throat)	57
MG/3ML	45	NORVIR PACK	31	nystatin (topical) CREA	39
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5		NORVIR SOLN	31	nystatin (topical) OINT	39
MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		NOVA MAX PLUS KETONE		nystatin (topical) POWD EX	39
MG/1.5ML	45	TESTSTRIPS	43	nystatin TABS	18
norelgestromin-ethinyl estradiol ..	36	NOVAVAX COVID-19 VACCINE		nystatin-triamcinolone CREA	39
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	SUSP	68	nystatin-triamcinolone OINT	39
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19		NYVEPRIA	50
norethin acet & estrad-fe TABS 1		VACCINE/2023-24 SUSP	68	octreotide acetate KIT	46
MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		NOVAVAX COVID-19		octreotide acetate SOLN	46
MCG-75 MG	36	VACCINE/2024-25 SUSY	68	ODEFSEY	31
norethindrone & eth estradiol	36	NOVOEIGHT	49		
norethindrone & ethinyl estradiol-fe		NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16		

ODOMZO	25	MG/5ML	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24
OFEV	63	ondansetron hcl SOSY	17	oxandrolone	7
ofloxacin (ophth)	59	ondansetron hcl TABS 24 MG	18	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (otic)	60	ondansetron hcl TABS 4 MG	18	oxazepam CAPS	8
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	49
OGIVRI	25	ondansetron TBDP 4 MG	18	oxcarbazepine SUSP	12
olanzapine SOLR	30	ondansetron TBDP 8 MG	18	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57	oxiconazole nitrate CREA	39
olanzapine TBDP 20 MG	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53	OXISTAT LOTN	39
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	30	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53	oxybutynin chloride SOLN	65
olmesartan medoxomil	20	OPILL	36	oxybutynin chloride TABS 5 MG	65
olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	21	OPSUMIT	34	oxybutynin chloride TB24	65
olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	21	ORENITRAM TBCR	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olopatadine hcl (nasal)	58	ORGOVYX	25	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl 0.1 %	60	ORILISSA	45	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	60	ORKAMBI PACK	63	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	6
omega-3-acid ethyl esters	19	ORKAMBI TABS	63	oxymorphone hcl TABS	6
omeprazole CPDR	65	ORLADEYO	49	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
omeprazole magnesium CPDR	65	orphenadrine citrate TB12	58	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6
omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate CAPS	32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	oseltamivir phosphate SUSR	32	OZEMPIC SOPN	16
OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSMOPREP	51	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28
ONCASPAR	28	OSPHENA	45	paclitaxel protein-bound particles	28
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17	OTEZLA TABS	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	29
ondansetron hcl SOLN OR 4		OTEZLA TBPK	4		
		oxacillin sodium IV 10 GM	61		

paliperidone 6 MG	29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	51	perphenazine TABS	30
palonosetron hcl SOLN	18	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	51	perphenazine-amitriptyline	62
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	51	PERSERIS PRSY	29
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45		PEGASYS SOLN	32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	68
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	44	PEGASYS SOSY	32	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	68
PANRETIN	39	PEMAZYRE	27	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68	
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 68	
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		penciclovir	40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	68
paricalcitol CAPS	46	penicillamine CAPS	56	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68
paricalcitol SOLN	46	penicillamine TABS	56	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	68
paroxetine hcl SUSP	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	68
paroxetine hcl TABS 10 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	68
paroxetine hcl TABS 20 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...	68
paroxetine hcl TABS 30 MG	14	penicillin g sodium	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...	68
paroxetine hcl TABS 40 MG	14	penicillin v potassium SOLR	61	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68	
paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin v potassium TABS	61	PHEBURANE PLLT	46
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	PENTACEL	64	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	48
PASER PACK	23	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phendimetrazine tartrate TABS	1
pazopanib hcl	27	pentoxifylline	49	phenelzine sulfate	14
PEDIARIX SUSY	64	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	20	phenobarbital ELIX	50
pediatric multivitamins w/fl CHEW .	57	perindopril erbumine 4 MG	20		
PEDVAX HIB SUSP	66	PERJETA	25		
		permethrin CREA	43		
		permethrin LIQD EX	43		

phenobarbital TABS	50	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	55	microencapsulated crystals er	55
phenoxybenzamine hcl	20	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	potassium chloride PACK OR 20	
phentermine hcl CAPS	1	55	MEQ	56
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY SOAJ	63	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV	
phenytoin sodium extended 100 MG,		PLEGRIDY SOSY SC	63	10 MEQ/50ML (potassium chloride)	
200 MG, 300 MG	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ .		56	
phenytoin sodium SOLN	13	62		potassium chloride SOLN IV 2	
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY		MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20	
PHEXXI	69	SC	62	MEQ/50ML	56
PHOSLYRA SOLN	48	plerixafor	50	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10	
PHOTOFRIN	28	PNEUMOVAX 23 SOSY	66	MEQ, 20 MEQ	56
PIFELTRO	31	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN .	66	POTASSIUM	
pilocarpine hcl (oral)	57	podofilox SOLN	42	CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED	
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .		polymyxin b sulfate SOLR	22	RINGERS	55
59		polymyxin b-trimethoprim	59	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM	
pimecrolimus	42	POMALYST	26	CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 %	
pimozide	63	posaconazole SUSP	18	(potassium chloride in nacl)	55
pindolol TABS	33	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .		potassium citrate (alkalinizer) TBCR .	
pioglitazone hcl	17	55		48	
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	55	potassium phosphates 236 MG/ML-	
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .		potassium chloride CPCR	56	224 MG/ML	55
15		potassium chloride in dextrose &		PR BENZOYL PEROXIDE WASH	
piperacillin sodium-tazobactam		sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45		LIQD	38
sodium	61	%, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10		pralatrexate 20 MG/ML	24
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27	MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2		pramipexole dihydrochloride TABS	
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27	%, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20		0.125 MG	29
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27	MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45		pramipexole dihydrochloride TABS	
pirfenidone CAPS	63	%, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40		0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG,	
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG		MEQ/L-0.9 %	55	1.5 MG	29
63		potassium chloride in dextrose 5 %-		prasugrel hcl	49
pirfenidone TABS 534 MG	63	20 MEQ/L	55	pravastatin sodium	20
piroxicam CAPS	4	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-		praziquantel	8
		0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-		prazosin hcl CAPS	20
		0.9 %	55	PRECISION XTRA	43
		potassium chloride		PRED MILD	60

prednicarbate OINT	42	PRENATAL ONE DAILY TABS	57	probenecid	48
prednisolone acetate (ophth)	60	PRENATAL PLUS TABS	57	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	8
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	60	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	57	prochlorperazine	30
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	37	PRENATAL TABS	58	prochlorperazine maleate TABS ...	30
prednisolone sodium phosphate TBDP	37	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	57	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	50
prednisolone SOLN	37	PRENATAL VITAMIN TABS	58	PROCRIT 40000 UNIT/ML	50
prednisolone TABS	37	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57	progesterone CAPS	61
prednisone SOLN	37	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	57	PROGRAF PACK	56
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	37	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	58	PROGRAF SOLN	56
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	37	PRENATRIX TABS	58	PROLASTIN-C SOLN	63
prednisone TBPK	37	PRENATRYL TABS	58	PROLEUKIN	28
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	63	PREVNAR 13	66	PROLIA SOSY	45
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	63	PREVNAR 20	66	PROMACTA PACK	50
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREZCOBIX	31	PROMACTA TABS	50
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA SUSP	31	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	19
pregabalin SOLN	12	PREZISTA TABS (darunavir)	31	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	19
PREHEVBRIO	68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	31	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
PREMARIN	69	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	31	promethazine hcl TABS	19
PREMARIN SOLR	47	PRIFTIN	23	propafenone hcl CP12	8
PREMARIN TABS	47	primaquine phosphate TABS	23	propafenone hcl TABS	8
PREMPHASE	46	primidone 50 MG, 250 MG	12	proparacaine hcl	59
PREMPRO	46	PRIORIX SUSR	68	propranolol hcl CP24	33
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57				propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	33
				propranolol hcl TABS	33
				propylthiouracil	64
				PROQUAD SUSR	68

protriptyline hcl	15	QVAR REDIHALER	10	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	53
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	58	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	43
PULMOZYME	63	RA PRENATAL TABS	58	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	43
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	58	rabeprazole sodium TBEC	65	RENFLEXIS	47
pyrazinamide	23	raloxifene hcl	45	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	17
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	ramelteon	50	repaglinide 2 MG	17
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	ramipril CAPS	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	20
pyridostigmine bromide TBCR	23	ranitidine hcl TABS 150 MG	65	REPATHA SOSY	20
pyrimethamine	23	ranolazine TB12 1000 MG	8	REPATHA SURECLICK SOAJ	20
QC PRENATAL TABS	58	ranolazine TB12 500 MG	8	RETACRIT	50
QINLOCK	27	rasagiline mesylate	29	RETEVMO CAPS	27
QUADRACEL SUSP	64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31
QUADRACEL SUSY	64	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52	REXULTI	30
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	30	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52		ribavirin (hepatitis c) CAPS	32
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	30	REBIF REBIDOSE SOAJ	63	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 32	
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	30	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	63	RIDAURA	3
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	30	REBIF SOSY	63	rifabutin	23
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	63	rifampin CAPS	23
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSP	68	rifampin SOLR	24
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSY	68	riluzole TABS	59
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	.7	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21	REGRANEX	43	ringer's	55
quinidine sulfate TABS	8	RELENZA DISKHALER	32	ringer's irrigation	56
quinine sulfate CAPS 324 MG	23	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	53	RINVOQ LQ SOLN	2
		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	53	RINVOQ TB24	3
				risedronate sodium TABS 150 MG	45

risedronate sodium TABS 35 MG .45	rufinamide TABS 400 MG12	SEREVENT DISKUS10
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG45	RUKOBIA31	sertraline hcl CONC14
risedronate sodium TBEC45	RUXIENCE25	sertraline hcl TABS 100 MG14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)29	RYBELSUS TABS16	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14
risperidone microspheres29	salsalate5	sevelamer carbonate PACK48
risperidone SOLN29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)46	sevelamer carbonate TABS48
risperidone TABS29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .46	SHINGRIX69
risperidone TBDP29	SANTYL OINT42	SIGNIFOR46
ritonavir TABS31	sapropterin dihydrochloride PACK .46	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN34
rivastigmine tartrate CAPS62	sapropterin dihydrochloride TABS .46	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR34
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .54	SAVELLA TABS62	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS34
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62	sildenafil citrate34
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .54	saxagliptin hcl16	silodosin48
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG15	silver sulfadiazine40
roflumilast9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15	SIMPONI ARIA SOLN3
romidepsin SOLR27	SCEMBLIX 100 MG27	SIMULECT56
ropinirole hydrochloride TABS29	SCEMBLIX 20 MG27	simvastatin TABS20
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG29	SCEMBLIX 40 MG27	sirolimus TABS56
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG29	scopolamine18	SIRTURO24
rosuvastatin calcium TABS20	SELECT INSULIN SYRINGES ...53	SIVEXTRO TABS22
ROTARIX SUSP68	SELECT INSULIN SYRINGES ...54	SKYRIZI PEN SOAJ40
ROTARIX SUSR68	SELECT LANCETS53	SKYRIZI SOCT47
ROTATEQ SOLN68	selegiline hcl CAPS29	SKYRIZI SOLN47
ROZLYTREK CAPS27	selegiline hcl TABS29	SKYRIZI SOSY40
RUBRACA27	selenium sulfide LOTN 2.5 %40	SLYND36
rufinamide SUSP12	SELZENTRY SOLN31	SM PRENATAL VITAMINS TABS .58
rufinamide TABS 200 MG12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)55

sodium acetate SOLN	55	sotalol hcl TABS 240 MG	33	STRIBILD	31
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %		160 MG	33	SUBLOCADE SOSY	7
.....	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE		SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9		SUSP	69	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,	
%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	56	SPIKEVAX COVID-19		600 MCG	6
sodium citrate & citric acid	48	VACCINE/2023-24 SUSP	69	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200	
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5		SPIKEVAX COVID-19		MCG, 1600 MCG	6
MG, 1 MG, 2.2 MG	55	VACCINE/2023-24 SUSY	69	sucralfate SUSP	65
sodium phenylbutyrate POWD	46	SPIKEVAX COVID-19		sucralfate TABS	65
sodium phenylbutyrate TABS	46	VACCINE/2024-25 SUSY	69	sulconazole nitrate CREA	39
sodium polystyrene sulfonate POWD		spinosad	43	sulconazole nitrate SOLN	39
56		SPIRIVA HANDIHALER CAPS		sulfacetamide sodium (acne)	38
sodium polystyrene sulfonate SUSP		(tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	
CO 15 GM/60ML	56	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	59	
sodium sulfate-potassium sulfate-		spironolactone & hydrochlorothiazide		sulfacetamide sodium w/ sulfur	
magnesium sulfate	51	44	CREA 10 %-5 %	38
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS		spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
.....	32	SPRAVATO 56MG DOSE	14	10 %-5 %	38
solifenacin succinate TABS	65	SPRAVATO 84MG DOSE	14	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
SOLQUA 100/33	15	SPRYCEL (dasatinib)	27	9 %-4.5 %	38
SOLOSEC	2	stannous fluoride CONC	57	sulfacetamide sodium-sulfur in urea	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,		stavudine CAPS	31	vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
1000 MG	37	STELARA 130 MG/26ML	47	sulfadiazine TABS	63
SOLU-CORTEF 250 MG	37	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	
SOLU-MEDROL 2 GM	37	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	40	22
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .		STELARA SOSY 90 MG/ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	
45		STENDRA	34	22
sorafenib tosylate	27	STIOLTO RESPIMAT	10	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	
SORBITOL 3 %	48	STIVARGA	27	22
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION		STRENSIQ	46	SULFAMYLON CREA	40
.....	48	streptomycin sulfate SOLR	2	sulfasalazine TABS	47
sotalol hcl (afib/af)	33			sulfasalazine TBEC	47

sulindac TABS	4	tafluprost	60	31	
sumatriptan	54	TAGRISSO 40 MG	25	terazosin hcl	20
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 80 MG	25	terbinafine hcl TABS	18
sumatriptan succinate SOCT	54	TAKHZYRO SOLN	49	terbutaline sulfate SOLN	10
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOSY	49	terbutaline sulfate TABS	10
sumatriptan succinate TABS	54	TALZENNA	27	terconazole vaginal CREA	69
sumatriptan-naproxen sodium	54	tamoxifen citrate TABS	25	terconazole vaginal SUPP	69
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamsulosin hcl	48	teriflunomide	63
sunitinib malate 37.5 MG	27	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	teriparatide SOPN	45
SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 50 MG	27	TERIPARATIDE SOPN	45
SUNOSI 75 MG	1	tavorole	39	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
SYNAREL	45	TAVALISSE	49	testosterone cypionate SOLN IM ...	7
SYNERA PTCH	43	tazarotene CREA 0.1 %	40	testosterone enanthate SOLN IM ...	7
SYNJARDY TABS	15	TAZVERIK	27	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	64
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TDVAX SUSP	64	tetrabenazine	62
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEFLARO	35	tetracycline hcl CAPS	64
SYNRIBO	28	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13		THALOMID	56
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13		theophylline ELIX	10
TABLOID	24	TEGSEDI	63	theophylline SOLN	10
TABRECTA	27	telmisartan	20	theophylline TB12	10
tacrolimus (topical) OINT	42	telmisartan-amlodipine	21	theophylline TB24	10
tacrolimus CAPS	56	telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	58
tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	34	temazepam 15 MG, 30 MG	50	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	48
tadalafil 5 MG	34	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	50	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	48
TAFINLAR CAPS	27	TEMODAR SOLR	24	thioridazine hcl	30
		temozolomide CAPS	24	thiotepa 15 MG	24
		temsirolimus	27	thiothixene	30
		TENIVAC INJ	64		
		tenofovir disoproxil fumarate TABS			

THYMOGLOBULIN	56	topiramate CS24	13	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	40
THYROGEN 0.9 MG	43	topiramate TABS 200 MG	13	treprostinil SOLN IJ	34
tiagabine hcl	13	topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13	tretinoin (chemotherapy)	28
TIBSOVO	27	topiramate TABS 50 MG	13	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1	
tigecycline	63	topotecan hcl SOLR	28	%	38
timolol maleate (ophth) SOLG	59	toremifene citrate	26	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38
timolol maleate (ophth) SOLN	59	torsemide TABS	44	tretinoin microsphere 0.1 %	38
timolol maleate TABS	33	TRACLEER TBSO	34	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10	
tiopronin TBEC 100 MG	48	tramadol hcl TABS 50 MG	6	MG, 15 MG	24
tiopronin TBEC 300 MG	48	tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (mouth) ..	57
tiotropium bromide monohydrate		tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (nasal)	
CAPS	9	trandolapril 1 MG, 2 MG	20	AERO	58
TIVICAY TABS	31	trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical)	
tizanidine hcl CAPS	58	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2		CREA 0.025 %	42
tizanidine hcl TABS	58	MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin (ophth) SOLN	59	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2		CREA 0.1 %	42
tobramycin NEBU	2	MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin sulfate SOLN IJ 10		tranexamic acid SOLN 1000		LOTN 0.025 %	42
MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2	MG/10ML	50	triamcinolone acetonide (topical)	
tobramycin-dexamethasone SUSP		tranexamic acid TABS	50	LOTN 0.1 %	42
60		tranylcypromine sulfate	14	triamcinolone acetonide (topical)	
TODAY SPONGE MISC	69	travoprost SOLN	60	OINT 0.025 %, 0.1 %	42
tolcapone	29	TRAZIMERA	25	triamcinolone acetonide (topical)	
tolmetin sodium CAPS	4	trazodone hcl TABS	14	OINT 0.5 %	42
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRECTOR	24	triamcinolone acetonide SUSP 40	
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	
tolterodine tartrate CP24	65	TRELSTAR MIXJECT	26	37
tolterodine tartrate TABS	65	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40	triamterene & hydrochlorothiazide	
tolvaptan TABS	46	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	40	CAPS 25 MG-37.5 MG	44
topiramate CPSP 15 MG	13	TREMFYA SOLN	40	triamterene & hydrochlorothiazide	
topiramate CPSP 25 MG	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40	TABS	44
				triamterene CAPS	44
				triazolam	50

TRICARE TABS	58	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
trientine hcl 250 MG	56	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53	TRUXIMA	25
trifluoperazine hcl TABS	30	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43	TUKYSA	25
trifluridine	59	TRUETRACK TEST STRP	43	TURALIO	27
trihexyphenidyl hcl SOLN	28	TRULICITY	16	TUZISTRA XR	37
trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUMENBA	66	TWINRIX SUSY	69
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	16	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	52	TWIRLA	36
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	52	TYBLUME CHEW	36
TRIKAFTA TBPK	63	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	52	TYBOST	31
trimethobenzamide hcl CAPS	18	TRUSTEX LUBRICATED MISC ..	53	TYMLOS	45
trimethoprim TABS	22	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED	52	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	34
trimipramine maleate CAPS	15	MISC	52	TYVASO SOLN IN	34
TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	53	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	34
TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX		UBRELVY	54
TRIZIVIR	31	LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	52	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7
TROJAN MAGNUM MISC	52	TRUSTEX		UDENYCA ONBODY SOSY	50
TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	52	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	52	UDENYCA SOAJ	50
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	52	TRUSTEX		UDENYCA SOSY	50
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	52	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	52	UPTRAVI TABS 200 MCG	34
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	52	TRUSTEX		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34
tropicamide SOLN 0.5 %	59	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	52	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	34
tropicamide SOLN 1 %	59	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	53	ursodiol CAPS	47
tropium chloride CP24	65	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDED MISC	53	ursodiol TABS	47
tropium chloride TABS	65	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	53	UVADEX	28
TRUE COVER DEVI	52	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	53	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	32
				valacyclovir hcl 500 MG	32
				valganciclovir hcl TABS	31

valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33	VYNDAQEL	34
valproic acid CAPS	13	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	33	VYVANSE CAPS	1
valrubicin	26	verapamil hcl TABS	33	warfarin sodium TABS	11
valsartan TABS	20	verapamil hcl TBCR	33	water for irrigation, sterile	56
valsartan-hydrochlorothiazide	21	VEREGEN	38	WESTAB PLUS TABS	58
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12	VERZENIO	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	12	VICTOZA (liraglutide)	16	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	12	vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12	vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53
vancomycin hcl CAPS	22	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53
vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22	vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53
vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22	vincristine sulfate	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53
VAQTA	69	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53
varenicline tartrate TABS	63	VIRACEPT TABS 250 MG	31	XALKORI CAPS	27
varenicline tartrate TBPB	63	VIRACEPT TABS 625 MG	31	XARELTO STARTER PACK TBPB 11	
VARIVAX SUSR	69	VIREAD POWD	31	XARELTO SUSR	11
VARUBI TBPB	18	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
VAXNEUVANCE	66	VISTOGARD	17	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
VECAMYL	21	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	XELJANZ SOLN	3
VECTIBIX 100 MG/5ML	25	VITATHELY/GINGER TABS	58	XELJANZ TABS 10 MG	3
venlafaxine hcl CP24 150 MG	15	VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ TABS 5 MG	3
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	15	VITRAKVI SOLN	27	XELJANZ XR TB24	3
venlafaxine hcl CP24 75 MG	15	VIVITROL	17	XGEVA SOLN	45
venlafaxine hcl TABS	15	VIZIMPRO	25	XHANCE EXHU	58
venlafaxine hcl TB24 150 MG	15	VORAXAZE	28		
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	15	voriconazole TABS	18		
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	33	VOSEVI	32		
		VOTRIENT (pazopanib hcl)	27		
		VYNDAMAX	34		

XIFAXAN 200 MG	22	zaleplon 5 MG	50	zolmitriptan SOLN	54
XIFAXAN 550 MG	22	ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolmitriptan TABS	55
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	16	ZANOSAR	24	zolmitriptan TBDP	55
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	16	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TABS	50
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	16	ZARXIO	50	zolpidem tartrate TBCR	50
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA CAPS	27	zonisamide CAPS	13
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA TABS 100 MG	28	ZONTIVITY	49
XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	28	ZORBTIVE SC	45
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	9	ZELBORAF	28	ZUBSOLV SUBL	7
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	44	ZYDELIG	28
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	44		
XOSPATA	27	zidovudine CAPS	31		
XPOVIO	26	zidovudine SYRP	31		
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		zidovudine TABS	31		
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		ZIEXTENZO	50		
XTAMPZA ER	6	zileuton TB12	9		
XTANDI CAPS	26	ziprasidone hcl	29		
XTANDI TABS 40 MG	26	ZIRABEV	25		
XTANDI TABS 80 MG	26	ZIRGAN GEL	59		
XULTOPHY 100/3.6	16	ZOLADEX 10.8 MG	26		
XYNTHA	49	ZOLADEX 3.6 MG	26		
XYNTHA SOLOFUSE	49	zoledronic acid CONC	45		
YERVOY	25	zoledronic acid SOLN	45		
YONSA	26	ZOLINZA	28		
zafirlukast	9				
zaleplon 10 MG	50				

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.
© 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.
All rights reserved.